

CÁC GIÁM MỤC MIỀN NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

NGÔ QUỐC ĐÔNG^(*)

Bài viết này nhằm khảo sát lại *quan điểm, lập trường* của các giám mục Miền Nam đối với vấn đề “Dân tộc”⁽¹⁾ trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam. *Giới hạn* bài viết đặt trong bối cảnh lịch sử từ năm 1954 đến Thư chung 1980. *Tài liệu nghiên cứu* chủ yếu là các văn kiện chính thức của các giám mục, gồm các thông cáo, thư chung, thư luân lưu trong giai đoạn này.

I. GIAI ĐOẠN 1954 - 1963⁽²⁾

Khoảng 676.348⁽³⁾, người Công giáo từ Miền Bắc vào Miền Nam trong cuộc di cư năm 1954 làm đảo lộn vấn đề chính trị, Công giáo giữa hai miền, để lại một hậu quả không mong muốn trong quá trình thống nhất đất nước. Người Công giáo rời bỏ quê hương, giáo xứ ra đi đem theo Đức tin và lối sống đạo Miền Bắc, đồng thời họ đem theo cả sự sợ hãi Cộng sản với một “*não trạng*” chống Cộng sâu sắc vào trong Nam⁽⁴⁾. Hai mươi năm sau, một linh mục trở lại thăm Hà Nội đã đặt lại lí do chính trị của cuộc di cư này. Ông viết: “*Tôi muốn hỏi thật các cha di cư xem các vị đã ra đi vì các vị đã bị Cộng sản bách hại, hay các vị đã cầm quân bách hại Cộng sản? Các vị thực đã ra đi vì con chiên đi hết, hay các vị đã tổ chức để đi với giáo dân*”⁽⁵⁾.

Vì vậy, nói tới *thái độ của Công giáo Miền Nam* những năm đầu thời Đệ nhất Cộng hòa, hầu như là nói tới *thái độ của khối Công giáo Miền Bắc* trong một định kiến nặng nề với Cộng sản như đã trình bày ở trên. Thực ra điều này được bắt nguồn từ Thư chung 1951 của Hội đồng Giám mục Đông Dương. Không cần nhắc lại chi tiết tính nghiêm trọng của bức thư. Thư chung 1951 đã chính thức đặt tiền đề cho một cuộc *khủng hoảng dài lâu* trong Giáo hội Công giáo Việt Nam, được tạo ra do chính sách đối đầu với Cộng sản, mà trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam được hiểu là chính sách đối đầu với những người cách mạng Việt Nam đang đấu tranh giành độc lập cho đất nước.

Ngoài tính chất chống Cộng phổ biến, bức thư còn gây ra những phản ứng tâm lí trái ngược cho người Công giáo Việt Nam, tạo ra sự mâu thuẫn *dằn vặt giữa Đức tin và lòng yêu nước*. Đối với người Cộng sản cách mạng, thư chung này được đánh giá là xen vào chuyện nội bộ của Việt Nam từ Hàng giáo phẩm ngoại quốc, đa phần là người Pháp, đang lãnh đạo Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum ngày 24/11/1960 của Giáo hoàng Gioan XXIII quyết định thành lập Hàng Giáo phẩm

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Công giáo Việt Nam, phân Giáo hội Công giáo Việt Nam thành 3 giáo tỉnh, do các giám mục Việt Nam lãnh đạo. Sắc chỉ này được ban bố sau khi có Thư chung Mùa Chay ngày 02/3/1960 của 10 giám mục Miền Nam, trong đó có 6 giám mục người Việt.

Thư chung 1960 nói tới nguy cơ Cộng sản tiêu diệt tôn giáo của khối Cộng sản quốc tế đứng đầu là Liên Xô lãnh đạo: “Mối hiểm họa này càng trầm trọng hơn ở chỗ việc tiêu diệt tôn giáo được lãnh đạo và bảo trợ cho cả một cơ quan quốc tế có một hệ thống tổ chức rất mực chặt chẽ là Cộng sản vô thần”⁽⁶⁾. Bức thư của các giám mục Miền Nam đã toát lên quan điểm mạnh mẽ của Giáo hội tiên Công đồng Vatican II về chủ trương của Giáo hội chống Cộng sản vô thần đang thịnh hành. Vô hình chung, Giáo hội Công giáo ở Miền Nam bị hoàn cảnh đưa đẩy vào một thế chống Cộng vượt xa mức luân lý tôn giáo.

Thực vậy, Thư chung 1960 kêu gọi phải dứt khoát bài trừ chủ nghĩa duy vật vô thần, ra lệnh cấm người Công giáo không được gia nhập Đảng Cộng sản. Các giám mục Miền Nam lúc bấy giờ “sợ” Cộng sản đến mức các vị ám chỉ người Cộng sản bằng xương bằng thịt như là “sự dữ”, là “tội ác” và “ma quỷ”. Bức thư có đoạn: “Để đánh lừa những người ngây thơ, dễ tin, người ta đã dám công khai tuyên truyền thuyết sống chung tưởng như có thể có sự sống chung giữa sự lành và sự dữ, giữa nhân đức và tội ác, giữa Thiên Chúa và ma quỷ. Nhưng anh em phải biết sự chung sống ấy không thể thực hiện được”⁽⁷⁾. Từ cái nhìn phân cực tuyệt đối như vậy, các giám mục Miền Nam chủ trương không hoà hoãn

nhượng bộ với Cộng sản. Thư chung 1960 tiếp nối các lập trường quan điểm của Giáo hội từ Thư chung 1951⁽⁸⁾.

Nếu nhìn từ góc độ của những người Cộng sản lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng đất nước, đây là quan điểm chính thức của Giáo hội Công giáo Miền Nam trước lập trường kháng chiến của dân tộc, biến Giáo hội thành một đối tượng chống Cộng hữu ích cho Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Xét từ Đức tin của người tín hữu, đây là những hướng dẫn mục vụ có tính nguyên tắc mà mỗi người Kitô hữu phải nắm bắt và thi hành.

Ảnh hưởng của khối Công giáo di cư Bắc đối với Giáo hội Miền Nam bộc lộ rõ trong bức thư Mùa Chay 1960 này. Ở đây, bộ phận Công giáo di cư có ưu thế áp đảo. Trong 6 tác giả người Việt kí tên có 3 giám mục là tác giả Thư chung 1951⁽⁹⁾ và 3 người vốn là giám mục gốc Miền Bắc⁽¹⁰⁾. Thư chung 1951, các giám mục Việt Nam ở vào *thiếu số*, Thư chung 1960 dù không còn ở vào thiếu số nhưng “non trẻ”⁽¹¹⁾, vì chưa phải Hàng Giáo phẩm tự chủ. Hơn nữa, sự khắt khe những kỉ luật của Giáo hội vẫn còn mạnh. Cũng có nhận định rằng: “Phải chăng các giám mục Miền Nam đã đặt cược vào quyền lực chính trị Miền Nam lúc đó?”⁽¹²⁾ nên vẫn chọn lựa tinh thần chống Cộng.

Dù vậy, ở vào thời điểm cực thịnh của Công giáo Miền Nam dưới thời Đệ nhất Cộng hòa⁽¹³⁾, đâu đó người Công giáo Miền Nam đã cảm thấy có điều gì “bất ổn” trong hành động của Giáo hội. Trí thức Công giáo, một lực lượng xã hội dễ *nhạy cảm* nhất với các biến chuyển của Giáo hội và thời cuộc đã nhanh chóng nhận ra điều này⁽¹⁴⁾. Khi đông đảo “Hàng

Giáo phẩm”, cũng không ít tín đồ luôn bày tỏ sự tin tưởng lạc quan rằng: Công giáo có vai trò trọng yếu trong cán cân quyền lực chính trị Miền Nam, bỗng dưng người ta thấy xuất hiện trên diễn đàn văn hóa một tiếng nói trái ngược so với cách nghĩ phổ biến đó. Điều đáng nói là nó được phát ngôn từ một giáo sư triết học theo Công giáo. Ông viết: “Trong đoàn thể dân tộc, người Công giáo sống như người ngoại quốc đối với đồng bào mình”⁽¹⁵⁾.

Nhìn chung giai đoạn 1954 - 1963, xét về vấn đề đồng hành với dân tộc trong phong trào đấu tranh thống nhất đất nước ở Việt Nam thì Giáo hội Công giáo Miền Nam vẫn *chưa có một lãnh đạo đúng tâm* với vấn đề được đòi hỏi⁽¹⁶⁾. Năm 1960, Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thành lập, tuy nhiên ở giai đoạn *giao thời*. Về mặt lịch sử, Giáo hội Việt Nam lúc đó không còn quá trẻ nên hoàn toàn có thể tiếp nối các “truyền thống giáo sĩ” nào đó, nhưng hình như lại chưa hoàn toàn tự tin để tự cho phép xét lại các truyền thống ấy. Do vậy, giai đoạn 1954 - 1963 dù được ưu ái về nhiều mặt dưới thời Đệ nhất Cộng hòa, nhưng lập trường của Giáo hội Công giáo với hiện tình đất nước và dân tộc vẫn ở vào *thế bị động, thiếu “soi xét”* và quá chú trọng vào việc tiếp nối các “di sản” vốn có từ 1951. Hình như Giáo hội Công giáo Miền Nam lúc bấy giờ quan tâm vào việc đối phó với tình thế nhất thời để bảo vệ một “Giáo hội cơ cấu”, nên Thư chung Mùa Chay 1960 đã định hướng mục vụ cho giáo dân sống đạo nhất thời là phải chống Cộng và bài Cộng sản? Chúng ta trở lại một nhận xét của Nguyễn Tử Lộc: “Sự kiện Công giáo coi mâu thuẫn Cộng

sản - Công giáo là mâu thuẫn căn bản chi phối tất cả các thái độ chính trị Công giáo. Khi đó mâu thuẫn thực dân - Dân tộc, Đế quốc - Dân tộc bị gạt xuống hàng thứ yếu”⁽¹⁷⁾.

II. GIAI ĐOẠN 1964 - 1975⁽¹⁸⁾

Ngày 01/11/1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát, Đệ nhất Cộng hòa sụp đổ, Miền Nam hoàn toàn xáo trộn. Các giám mục Miền Nam đã họp 2 ngày hội nghị tại Sài Gòn và ra *Thư luân lưu ngày 22/01/1964*, gửi đến toàn thể giáo sĩ và giáo dân Công giáo. Bức thư đã nhắc nhở người Công giáo: “Trong giờ phút nghiêm trọng và khó khăn ngày nay, chúng tôi muốn kêu gọi anh chị em hãy tận lực cố gắng để đoàn kết với nhau trên phạm vi cộng đồng quốc gia”⁽¹⁹⁾.

Đọc kĩ, bức thư mục vụ này cho thấy một bước *chuyển biến* quan trọng trong lập trường của Giáo hội Công giáo Miền Nam trước các vấn đề đoàn kết quốc gia, hòa bình và dân tộc. Điều này phản ánh sự *nhanh nhay* của các giám mục Miền Nam trong việc triển khai tinh thần Công đồng Vatican II vào bối cảnh cụ thể của Việt Nam⁽²⁰⁾. Bức thư đề cập tới bản phận của tín hữu phải biết tự soi xét đối với đòi hỏi của Phúc âm, phải canh tân cải hóa tâm hồn mình để có thể chấp nhận hòa mình với mọi người. Trong đó viết: “Người Công giáo không phải là một “lớp” người ở ngoài rìa xã hội. Là Việt Nam sống giữa những người Việt Nam, người Công giáo nhìn nhận hết mọi đồng bào, bất cứ họ là người thế nào, như anh em ruột thịt (...). Chúng tôi nhận thấy một mối nguy hiểm thực sự cho Tổ quốc chúng ta, nếu cứ để lan tràn trong dân chúng cái tinh thần sợ sệt, chia rẽ và

tương tranh. Chúng ta phải đem toàn lực bằng bất cứ giá nào, để mutu lấy sự đoàn kết trong đại gia đình quốc gia⁽²¹⁾.

Năm 1966 dưới ánh sáng Công đồng Vatican II và chủ trương hòa bình chống chiến tranh của Giáo hoàng Phaolô VI⁽²³⁾, các giám mục Miền Nam kêu gọi các bên tham chiến phải đình chiến ngồi vào bàn hội nghị thương thuyết và tái lập hòa bình, trên tinh thần tôn trọng công lí và tự do. Sau phiên họp một tuần từ 30/09 đến 06/10/1966 tại Sài Gòn, dưới quyền chủ tọa của Đặc sứ Tòa Thánh, Sergio Pignedoli, được phái đến với tư cách đại diện của Giáo hoàng, các giám mục Miền Nam họp ra *Thông cáo* ngày 07/01/1966. Đọc nội dung thông cáo, người ta hiểu rằng, các giám mục Miền Nam đã triển khai khá kĩ chủ trương hòa bình chống chiến tranh của Giáo hội sau Công đồng đối với hiện tình Việt Nam. Bản thông cáo đã trích dẫn rõ ràng và chi tiết các chủ trương này của Giáo hoàng Phaolô VI. Thông cáo xác nhận: “Đức Giáo hoàng luôn tha thiết đến tình trạng đau thương của dân tộc Việt Nam đang quần quại trong đau khổ vì chiến tranh, Ngài đã không bỏ qua một cơ hội nào hay một phương tiện nào có thể để tìm giải pháp đem lại hòa bình cho thế giới và riêng cho nước Việt Nam thân yêu của chúng ta⁽²⁴⁾.”

Trong những lời giáo huấn giành cho giáo dân, Thông cáo nhắc lại bốn phận của người giáo dân: “Phải sẵn sàng lãnh trách nhiệm trong các lĩnh vực thuộc phạm vi giáo dân” (...) Trong mọi hoạt động, người Công giáo phải nhằm ích lợi chung của dân tộc tạo nên hòa khí, tránh mọi va chạm chia rẽ: Thà thiệt mà mình thêm bạn hơn lợi mình mà thêm thù⁽²⁵⁾.

Sự chuyển biến của các giám mục Miền Nam từ sau 1964 xuất phát từ 4 điều kiện căn bản.

Thứ nhất, từ thực tại sụp đổ của chế độ Đệ nhất Cộng hòa tháng 11/1963 và xa hơn là kinh nghiệm của cuộc di cư hồi 1954 - 1955 ở Miền Bắc thì: việc *lựa chọn một thái độ chính trị đã không còn để dành đối với các giám mục*. Các vị bắt đầu có sự suy tư, dè dặt.

Thứ hai, ảnh hưởng từ Công đồng Vatican II với tinh thần chủ đạo đối thoại, cởi mở và canh tân như luồng gió mát thổi vào thực trạng Công giáo Miền Nam. Công đồng đã thực sự tìm về với mâu nhiệm Nhập thể, nên đã khẳng định vị trí mình là Giáo hội trong thế giới ngày nay. Đáng chú ý là “Công đồng không đưa ra lời lên án chính thức nào đối với Cộng sản như nhiều nghị phụ mong muốn⁽²⁶⁾.”

Thứ ba, qua 3 năm xáo trộn, tranh chấp trong nội bộ chính phủ từ 1964 - 1967⁽²⁷⁾, xã hội Miền Nam bực lộ nhiều bất ổn vì những cuộc tranh chấp, thanh trừng phe phái trái với đạo đức tôn giáo, đã đến lúc các giám mục Miền Nam đặt ra vấn đề: phải xem xét lại thực tại trần thế xuất phát từ *đời hỏi Phúc âm* và từ *nền tảng Phúc âm*. Lúc này nhiều người lương cũng như giáo đều khát khao hòa bình.

Thứ tư, vai trò chèo lái Hàng Giáo phẩm của Tổng Giám mục địa phận Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình. Một con người của hòa bình, nhanh nhạy nắm bắt tình hình, thiện chí và hòa giải⁽²⁸⁾.

Những lí do trên giải thích tại sao từ 1964, các giám mục Miền Nam gọi lên

ting thần đối thoại, hòa giải, chấp nhận sự khác biệt, kêu gọi hòa bình, đại đoàn kết dân tộc.

- Từ 1968 đến 1971, trong các thông cáo và thư luân lưu, Hội đồng Giám mục Miền Nam tỏ ra *sẵn sàng* và *tích cực* vận động cho nền hòa bình Việt Nam, thấy rõ điều này qua các sự kiện.

+ Thông cáo ngày 05/01/1968 của Hội đồng Giám mục Miền Nam ở đoạn cuối viết: “Cuối cùng, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi đến thiện chí của chính quyền hai miền Nam, Bắc, hãy cùng nhau kiến tạo hòa bình... Chúng tôi cũng lập lại lời Đức Giáo hoàng Phaolô VI nói ngày 02/5/1967: “Phải chấm dứt các cuộc oanh tạc trên lãnh thổ Bắc Việt đồng thời cũng phải chấm dứt những cuộc xâm nhập vũ khí và vật liệu chiến tranh vào Miền Nam”⁽²⁹⁾.

+ Thư luân lưu xây dựng hòa bình ngày 05/01/1969 viết: “Dân tộc ta do nhiều nguồn gốc văn hóa, thành phần cấu tạo nên. Nhưng không vì đó gây thành nguyên nhân chia rẽ, trái lại phải là yếu tố bổ sung cho nguồn sinh lực thêm phong phú hơn. (...) Đất nước này không phải là của riêng thành phần nào: Song là của chung dân tộc. Trên bình diện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, hãy đối thoại với nhau theo cương vị công dân, như vậy chúng ta sẽ dễ thông cảm với nhau hơn”⁽³⁰⁾.

Thư mục vụ 1973 và Tuyên ngôn 1974 xác định lập trường kiên định vì hòa bình của Hội đồng Giám mục Việt Nam kể từ năm 1966 và khẩn thiết kêu gọi mọi người và các bên kí kết Hiệp định Paris hãy nỗ lực thực hiện nghiêm túc hòa bình, hòa giải dân tộc. Tuyên ngôn 1974

có đoạn: “Ý thức trách nhiệm của chúng tôi đối với Dân Chúa cũng như đối với Quê hương, chúng tôi mong đóng góp phần nhỏ mọn vào việc tái lập hòa bình cho xứ sở và việc hòa giải Dân tộc”⁽³¹⁾

Tuy nhiên, bức *Thư Mục vụ 03/02/1973* vẫn nhắc nhở tín hữu Công giáo hãy tiếp tục cảnh giác ý thức hệ duy vật vô thần. “Dẫu muốn dẫu không, trong bầu không khí tương đối tự do của Miền Nam Việt Nam này, sẽ diễn ra cuộc xung đột ý thức họ rút gọn nằm trong cuộc tranh chấp đại quy mô hết sức gây cản trên khắp toàn cầu, giữa hai quan niệm về đời sống. Một bên là Thiên Chúa, Đức Kitô, Phúc âm, Giáo hội, với tất cả những giá trị thiêng liêng của con người. Chúng tôi đã có dịp nhắc tới cuộc xung đột này trong bức Thư chung Mùa Chay ngày 02/3/1960. Đây chúng tôi xin nhắc lại, là duy vật vô thần không phải chỉ có nơi những quốc gia chống đối Giáo hội, vụ khống Giáo hội chia rẽ Giáo hội”⁽³²⁾.

Nhìn chung đây là thời kì Giáo hội có những *chuyển biến quan trọng* trong các quan điểm mục vụ so với thời kì trước 1963. Các “Đấng bản quyền” hướng về Vatican II tìm cách canh tân đời sống cộng đồng Dân Chúa và kêu gọi hòa bình như khuyến khích sống đạo trong sạch, công bình bác ái với mọi người để đất nước có cơ may giải trừ chiến tranh. Mặc dù vậy, đường hướng kêu gọi hòa bình bác ái từ đạo đức tôn giáo không đẩy lùi được chiến tranh. “Hạn chế” của Hàng Giáo phẩm Công giáo Miền Nam là chỉ dừng ở lời kêu gọi chứ *chưa mạnh dạn dấn thân* vào trào lưu giải phóng thống nhất đất nước. Về điểm này, nhóm trí thức Công giáo và một số linh mục “tiến

bộ” *chủ động dẫn thân hơn*. Tính ưu điểm trong lập trường của Công giáo Miền Nam là *nhanh nhậy* nắm bắt tình hình thế giới và phổ biến kêu gọi cho hòa bình Việt Nam. Trên thực tế giữa các giáo huấn của Hàng Giáo phẩm và lối sống đạo của giáo dân có vẻ vẫn còn *khoảng cách* hoặc chưa ăn nhập. Bằng chứng là lãnh đạo Giáo hội thỏa sức kêu gọi hòa bình thì nhiều giáo dân vẫn nặng nề tư tưởng chống Cộng⁽³³⁾. Điều đó phản ánh *chất lượng chính trị* của giáo dân nhìn từ tư cách công dân Việt Nam vẫn bị các “thói quen tư duy” Công giáo thắng thế. Luồng gió mới của Vatican II thổi vào Hàng giáo phẩm nhưng đã không làm mát tới toàn bộ người Kitô hữu Miền Nam. Tình trạng này không phải vô cớ, bởi tới *Thư Mục vụ 1973* lãnh đạo Giáo hội Miền Nam vẫn còn cảnh tỉnh giáo dân về ý thức hệ vô thần⁽³⁴⁾. Cho đến trước ngày 30/4/1975, Giáo hội Miền Nam còn rất dè dặt với Cộng sản. Và *Thư chung Mùa Chay 1960* còn dấu ấn khá đậm trong cộng đồng Dân Chúa. Lúc bấy giờ không ít câu hỏi được đặt ra là cộng đồng Dân Chúa ở đâu, sau khi Hàng Giáo phẩm xuất phát từ lòng đạo đức để kêu gọi hòa bình cho Việt Nam? Lòng tốt đã không đủ để tạo thành một xung lực mạnh làm biến chuyển đáng kể đối với cuộc chiến tranh tàn khốc của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Cuối cùng chính công cuộc giải phóng Miền Nam của những người Cộng sản đã xua đi chiến tranh, thống nhất đất nước, tạo ra *môi trường thuận lợi* để hòa giải Công giáo với Dân tộc.

Rõ ràng giai đoạn này dù có những biến chuyển quan trọng trong lòng Giáo hội Công giáo Miền Nam, nhưng Hàng Giáo phẩm vẫn *chưa dẫn thân đủ trên*

bình diện trần thế để thổi vào đó một sinh lực mới cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, các vị giám mục đã tạo ra những *tiền đề quan trọng* để người Công giáo Miền Nam ngồi lại với người Cộng sản sau ngày 30/4/1975.

III. GIAI ĐOẠN 1975 - 1980

Khác với mùa hè năm 1954, vào mùa xuân 1975, chính Hàng Giáo phẩm với đa số linh mục, tu sĩ tự nguyện ở lại vùng giải phóng, không di cư. Rõ ràng một quyết định không phải ngẫu thơ mà *hoàn toàn chủ ý*. Trước đó, vào những ngày cuối cùng của chiến dịch Hồ Chí Minh, Tổng Giám mục Huế và Sài Gòn cùng một số giáo dân đã lên tiếng kêu gọi người Công giáo hãy ở lại Việt Nam xây dựng quê hương và Giáo hội. Nhiều người cũng hiểu rằng ở thời điểm 30/4, chỉ cần một sơ xuất nhỏ hoặc quyết định sai lầm nào đều có thể xảy ra những chuyện đáng tiếc như hồi 1954 tại Miền Bắc Việt Nam. Chính hai vị Tổng Giám mục đã tinh tế nhận biết và có công *đóng góp* quan trọng vào việc *án định tình hình*. Họ lấy hết uy tín của mình ra để trấn an giáo dân không di tản như hồi 1954 - 1955. Lần này Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam tỏ ra có tính *chủ động* và *kiểm soát* hơn⁽³⁵⁾.

Sau sự kiện 30/4/1975, liên tiếp 3 lá thư⁽³⁶⁾ của người đứng đầu Giáo hội Công giáo tại Sài Gòn⁽³⁷⁾ được gửi đến các tầng lớp giáo dân. Với những hoàn cảnh *nhạy cảm* như vậy, *vai trò của những người lãnh đạo Giáo hội* như Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình rất cần cho sự ổn định tâm lý quần chúng. Người Cộng sản/Cách mạng cũng ghi nhận sự chân thành cởi mở trong từng cử chỉ lời nói của Giám

mục Bình. Họ đã nghe đâu đó những phát biểu, nói chuyện về hòa bình, hòa giải của vị giám mục này trước ngày 30/4. Gương mặt đơn sơ, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và đầy thiện chí của ông toát lên lên một sự đối thoại, hợp tác đầy triển vọng. Điều này đem lại cho giáo hữu sự yên lòng trước những thành kiến của quá khứ⁽³⁸⁾.

Ở Vị thế⁽³⁹⁾ của Công giáo Miền Nam sau 1975 thì sự đối thoại với với những người cách mạng là *cần thiết*. Lúc này việc *thích ứng với hoàn cảnh mới*⁽⁴⁰⁾ là một đòi hỏi đặt ra cho những vị lãnh đạo “đoàn chiên”. Nó xua đi sự băn khoăn nội tâm bấy lâu của những người Công giáo yêu nước. Về mặt tâm lý chung của nhiều người Công giáo, sự e ngại với Cộng sản và sự hoà nhập ban đầu vẫn còn rất nhiều khó khăn⁽⁴¹⁾. Trong thư chúc Tết Bính Thìn, Giám mục Nguyễn Văn Bình thổ lộ: “Tất nhiên có những khó khăn phát sinh hoặc cho những điểm không thích hợp với xã hội mới, hoặc là cho sự hiểu lầm giữa anh chị em trong Giáo hội, hoặc do nội bộ chúng ta chưa canh tân đúng mức”⁽⁴²⁾.

Gần 8 tháng sau sự kiện 30/4, khoa họp thường niên của các giám mục Miền Nam mới được triển khai (từ 15 - 20/12/1975). Nó được tổ chức sau khi hai miền Nam - Bắc đã hiệp thương thống nhất chứng tỏ sự *thận trọng* của các giám mục Miền Nam. Kết quả sau hội nghị này là một *thông cáo* thay vì *thư chung* như thường lệ phản ánh sự *dè dặt* của các giám mục trước khi đi đến quyết định quan trọng về đường hướng mục vụ của Giáo hội.

Báo chí lúc đó phản ánh cuộc tiếp xúc giữa chính quyền cách mạng và các giám

mục Miền Nam khá *thẳng thắn, cởi mở* và *thân thiện*. Điều này như là một khởi đầu có tính chất *trắc nghiệm* cho những mối *quan hệ mới* giữa những người Cộng sản và Công giáo tại Miền Nam. Đáng chú ý là cuộc họp thường niên này của Hội đồng Giám mục đã *mở rộng* cả các thành phần tham dự, đặc biệt là sự có mặt các linh mục, trí thức Công giáo “cấp tiến”. Xem ra các giám mục căn cứ vào *tình hình thực tại* của Giáo hội Miền Nam để tìm ra các giải pháp phù hợp cho Giáo hội khi hòa nhập với hoàn cảnh mới⁽⁴³⁾. Họ muốn *lắng nghe* nhiều luồng ý kiến trước khi ra quyết định. Mặt khác, các vị muốn: “*tìm cách biến những cơ cấu truyền thống của Giáo hội thành một cái gì đó linh động, uyển chuyển và có sáng tạo*”⁽⁴⁴⁾. Cuộc họp sơ bộ này chuẩn bị cho kì họp tới vào năm 1976 và nhắc lại nhu cầu cần thiết *phải canh tân Giáo hội*. Một thông cáo được soạn thảo tại đây, và được phổ biến ngày 22/12/1975. Tiếp theo, một bức điện được gửi tới Giáo hoàng Phaolô VI bày tỏ sự hiệp thông. Cuối cùng là một điện văn tới Tổng Giám mục Hà Nội Trịnh Như Khuê chào mừng Giáo hội Miền Bắc và mong ngày đoàn tụ⁽⁴⁵⁾.

Thư chung ngày 16/7/1976 *chính thức khẳng định lập trường* của các giám mục Miền Nam với quê hương đất nước sau ngày giải phóng ở mục 6: “Người Công giáo kê vai chung sức với mọi người để xây dựng đất nước và làm những gì lợi ích chung cho cộng đồng dân tộc mà không nghịch với đức tin và lương tâm Kitô giáo”. Tại mục 7, người Công giáo với Chủ nghĩa xã hội ghi: “Thật vậy, giữa đức tin Kitô giáo và chủ nghĩa Mác - Lênin có xung khắc về cơ bản, điều này ai cũng nhìn nhận. Tuy nhiên, không vì

thế mà không thể có đối thoại chân thành giữa những ai cùng phục vụ con người trong xứ mạng cá nhân và xã hội.” Bức thư kết luận: “Đức tin không phải là bức tường ngăn cách người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng”.

Bức thư chính thức xóa bỏ quan điểm “người Kitô và người Cộng sản không thể đối thoại” vốn tồn tại dai dẳng trong Giáo hội trước đó. Nhưng việc đặt lại quan điểm “xung khắc ý thức hệ” dù chỉ là phạm trù triết học có lẽ thực sự không cần thiết ở thời điểm sau 1975, bởi người Cộng sản cũng như Công giáo đều có những kiến giải khác nhau về vấn đề này, dẫn đến việc hiểu nhau lâu hơn⁽⁴⁶⁾. Bốn năm, từ *Thư chung 1976* đến *Thư chung 1980*, là giai đoạn *tiếp xúc* và *hội nhập* hơn giữa những người Cộng sản và Công giáo⁽⁴⁷⁾. Điểm ưu trội giai đoạn này chính là các hoạt động *dấn thân* của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình.

Nhìn chung, các văn kiện của các giám mục Việt Nam thời kì này phản ánh rằng: giai đoạn sau 30/4/1975 đến *Thư chung 1980*, Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam *quyết tâm tìm một đường hướng để sống đạo với dân tộc, với cách mạng và những người Cộng sản trên quê hương Việt Nam*. Giáo hội Miền Nam vẫn kiên định *giải pháp hòa bình* đã theo đuổi từ sau năm 1963. Đây là một lựa chọn vững chắc của kính Chúa và yêu Nước.

Dù vậy, thời kì 1975 - 1980 là thời kì *bước đệm* “khó khăn.” Sự việc này xuất phát từ hai phía. Người Công giáo có khá nhiều mối *suy tư* Do một quá trình lâu dài cách biệt và nghi kỵ, sự thông cảm và hiểu biết giữa Công giáo và Cách mạng, nói đúng hơn là giữa Công giáo và Cộng sản,

đã *không dễ dàng*. Một số đông người Công giáo ở Việt Nam vẫn đinh ninh rằng mục đích của Đảng Cộng sản là hạn chế, nếu không phải là triệt tiêu Công giáo. Vì thế mà bất cứ một biện pháp hành chính hay tư pháp nào có liên quan tới người Công giáo đều có thể coi như một biện pháp nhằm triệt tiêu Công giáo⁽⁴⁸⁾. Nguyên nhân của mọi bế tắc “có lẽ” là ở chỗ: Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam chưa đánh giá đúng mức *ý định* hợp tác của nhau⁽⁴⁹⁾.

Thực ra, Công giáo Miền Nam hòa nhập với dân tộc sau sự kiện 30/4 đều có *tiên đề cơ bản* đó là: 1. Quan điểm các giám mục về hòa bình, hòa giải trước 1975; 2. Tinh thần Vatican II vẫn rất mạnh; 3. Phong trào Công giáo “cấp tiến” trước 1975; 4. Đất nước thống nhất, *tạo môi trường thực sự* cho hòa giải; 5. Chủ trương đoàn kết tôn giáo dân tộc của Nhà nước.

Cuối cùng điều mong ước cũng đến. Từ ngày 24/4 - 01/5/1980, tại Hà Nội, đã diễn ra Đại hội Giám mục Việt Nam lần I, với sự tham gia đầy đủ của Hồng y Trịnh Văn Căn và tất cả giám mục trong toàn quốc. Sau một tuần làm việc, Đại hội đã thành lập Ban Thường vụ gồm 10 thành viên và có một Thư chung gửi toàn thể giáo dân, giáo sĩ.

Ban Thường vụ Đại hội Giám mục (ĐHGMM) Việt Nam lần I có: Chủ tịch là Hồng y Trịnh Văn Căn; 02 Phó Chủ tịch là Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền; Tổng Thư kí Giám mục Nguyễn Tùng Cương (Giáo phận Hải Phòng); 03 Phó Tổng thư kí là Giám mục Phạm Đình Tụng (Giáo phận Bắc Ninh), Giám mục Nguyễn Quang Sách (Phó Giáo phận Đà Nẵng),

Giám mục Lê Phong Thuận (Cần Thơ) và 03 giám mục phụ trách 3 uỷ ban gồm Giám mục Phan Thế Hình (Giáo phận Hưng Hoá) phụ trách Uỷ ban Giáo dân, Giám mục Huỳnh Đông Các (Giáo phận Quy Nhơn) phụ trách Uỷ ban Linh mục tu sĩ, Giám mục Bùi Tuần (Giáo phận Long Xuyên) phụ trách Uỷ ban Phụng tự. Ban Thường vụ phân bổ đầy đủ giám mục hai miền cho thấy rõ tính *quyết tâm thống nhất* của đại hội.

Về cơ cấu, ĐHGGM Việt Nam lần I còn khá đơn giản với 03 uỷ ban phụ trách ba vấn đề cơ bản của Giáo hội và dần được hoàn thiện vào những kì đại hội sau. Điểm tiêu biểu của ĐHGGM lần này là bản thư chung kí ngày 01/5/1980 với tinh thần chung là: *đổi mới canh tân Giáo hội theo tinh thần Công đồng Vatican II và sống Phúc âm giữa lòng dân tộc vì hạnh phúc đồng bào.*

Thư chung gồm 15 điều, chia thành 3 phần. *Phần 1* Thông tin về ĐHGGM toàn quốc và bày tỏ lòng biết ơn. *Phần 2* gồm 10 điều, nói về đường hướng mục vụ của Giáo hội trong thời đại mới. *Phần 3* ĐHGGM ngỏ lời với các thành phần Dân Chúa: Cuối cùng là *Kết luận* với cái nhìn về quá khứ, hiện tại và tương lai Giáo hội.

Nội dung được quan tâm nhất nằm ở phần 2 - *Đường hướng mục vụ*. Dựa vào thông điệp đầu tiên của Giáo hoàng Phaolô VI "Giáo hội Chúa Kitô", các giám mục đã định nghĩa Giáo hội là gì, mục tiêu và sứ mạng Giáo hội trong xã hội hiện nay. Theo Công đồng Vatican II, Giáo hội ngày nay và đất nước mà mình sinh sống. Từ những nhận định trên, ĐHGGM đề ra nhiệm vụ cụ thể của người giáo dân đối với đất nước là tích cực góp phần cùng

đồng bào cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; và đối với tôn giáo là xây dựng trong Giáo hội một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc. "Đường hướng mới của Thư chung 1980 cơ bản là một sự lựa chọn tự nguyện dựa trên Tin Mừng và tinh thần Công đồng, phù hợp với thực tế"⁽⁵⁰⁾.

Nhìn chung, khoảng cách 5 năm phản ánh *phải có lộ trình để hội nhập* Công giáo với dân tộc trong xã hội mới. Lộ trình ấy tồn tại ban đầu những e dè, mặc cảm và nghi ngại. Thời gian cùng hành động của Giáo hội và Nhà nước đã làm hai bên hiểu nhau. Cuối cùng Giáo hội đã ấn định đường hướng quan trọng cho lối sống đạo với dân tộc qua *Thư chung 1980*. Trải nghiệm giai đoạn này cho thấy, *không thể có hòa bình nếu không có hòa giải và hòa giải chỉ trở thành hiện thực khi có cuộc sống hòa hợp giữa các thành phần dân tộc*, cũng giống như giữa những người Cộng sản và người Công giáo trên quê hương Việt Nam.

Đây là giai đoạn thực sự chuyển mình về *nhận thức và hành động*. Giáo hội đã phải trải qua một thách thức là đối diện với người Cộng sản, đồng thời "đánh giá" lại ý thức chống Cộng trong quá khứ của Giáo hội. Có một thực tế mà người Công giáo phải thừa nhận là người Cộng sản Việt Nam đã luôn đấu tranh hi sinh phấn đấu vì độc lập tự do của dân tộc. Với các giám mục Miền Nam, việc lựa chọn chung sống với người Cộng sản - Cách mạng là điều kiện then chốt để Hội thánh hòa hợp với dân tộc và khẳng định lại mình cũng là một phần quan trọng của dân tộc Việt Nam.

(Kì sau đăng tiếp)

Chú thích:

1. Khía cạnh “Dân tộc” trong bài viết này muốn nói đến lập trường của Hàng giáo phẩm Công giáo đối với người Cộng sản cách mạng Việt Nam, đối với tiến trình thống nhất đất nước, với xã hội mới sau ngày giải phóng Miền Nam. Khía cạnh Dân tộc từ góc độ văn hóa xin không đề cập trong bài viết.
2. Tính tới thời điểm 01/11/1963, khi chế độ Cộng hòa Miền Nam bị lật đổ.
3. Theo *Thông tin Công giáo quốc tế*, số 158, ngày 12/12/1961. Con số này được một số tác giả chú trọng và cho là gần với thực tế nhất. Xem thêm bài của tác giả Peter Hansen trên *Journal of Vietnamese Studies*, Volume 4, issue 3, Fall 2009. Bản tiếng Việt do *Hiểu Tân dịch*.
4. Ngoài lí do Đức tin, đây là tâm lí chung của nhiều người Công giáo di cư. Tất nhiên có những người di cư bởi hoàn cảnh theo gia đình, hoặc có những người Công giáo lúc đó cũng chưa hiểu rõ tại sao phải di cư hay Cộng sản là gì, tại sao phải chống, v.v...
5. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Tôi về Hà Nội*, tài liệu Thư viện Quốc gia, 1974, tr. 54.
6. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 127.
7. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 133.
8. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 135.
9. Là các giám mục Ngô Đình Thục, Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi.
10. Là các giám mục Lê hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, Trương Cao Đại.
11. Non trẻ là xét về “quyền lực đạo” so với Giám mục ngoại quốc, còn tuổi đời trung bình các giám mục Miền Nam lúc đó là 56,2 tuổi. Cao hơn tuổi trung bình các giám mục Châu Phi.
12. *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 65, tháng 5/2000, tr.17. Đối với một số người Công giáo, việc Ngô Đình Diệm lên cầm quyền được coi là một thắng lợi của Công giáo sau nhiều năm cố gắng. Tạo ra một sự “đắc thế” của bộ phận Công giáo di cư.
13. Theo con số của hãng thông tấn Pides, năm 1963, Giáo hội Công giáo tại Miền Nam gồm 10 địa phận, với 1.337.964 giáo dân trên tổng 14 triệu dân. Có 54 dòng tu, có Đại học Công giáo ở Đà Lạt, Giáo hoàng học viện Pio X đào tạo các linh mục, 12 tờ báo, nhiều nhà xuất bản...
14. Xem các tập từ *Nhận định I* đến *Nhận định V* của giáo sư triết học người Công giáo Nguyễn Văn Trung xuất bản tại Sài Gòn khoảng từ những năm 1958 đến 1963.
15. Nguyễn Văn Trung. *Nhận định I*, Nxb. Nguyễn Du, Sài Gòn, 1958, tr. 221.
16. Theo Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum ngày 24/11/1960 của Giáo hoàng Gioan XXIII quyết định Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thành lập, phân Giáo hội Công giáo Việt Nam thành 3 giáo tỉnh. Ta thấy cơ cấu ở Miền Nam *quyền lực ảnh hưởng vẫn dành nhiều cho khối Công giáo di cư gốc Bắc*. Trong giai đoạn đầu tiên, từ 1960 đến ngày chế độ nhà Ngô sụp đổ, vai trò Tổng Giám mục Bình tương đối mờ nhạt, bởi vì trong hàng ngũ Giám mục Việt nam lúc bấy giờ, Giám mục Ngô Đình Thục là Niên trưởng các giám mục Miền Nam, Tổng Giám mục Giáo phận Huế. Ngoài ra, Giám mục Phạm Ngọc Chi, di cư vào Nam và được cử làm giám mục đặc trách những người di cư vào Nam, sau này được bổ nhiệm là Giám mục Quy Nhơn, rồi lại được chuyển về Đà Nẵng, một giáo phận mới được thành lập. Vị này rất có tiếng nói tại Roma.
17. *Vấn đề dân tộc đặt cho người Công giáo*, tạp chí *Đất Nước*, tháng 12 năm 1968, in lại trong *Một số vấn đề đặt cho người Việt Nam Công giáo*, Công giáo và Dân tộc phát hành, Paris, 1970, tr. 8.
18. Tính đến thời điểm 30/4/1975.
19. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 164.

20. Công đồng Vatican II (11/10/1962 - 07/12/1965), Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình và các giám mục Miền Nam đã tham dự các phiên họp. Giai đoạn này, Giám mục Bình đã phát động phong trào học hỏi về Công đồng.
21. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 164-165.
22. Giáo hoàng Phaolô VI đã hướng mục vụ của Tòa Thánh sang Đông Âu, là Giáo hoàng đã trực tiếp công khai cảnh báo Hoa kỳ về cuộc chiến tranh tại Miền Nam - *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 185, tháng 5/2010, tr. 20.
23. Giáo hoàng Phaolô VI đã hướng mục vụ của Tòa Thánh sang Đông Âu, là Giáo hoàng đã trực tiếp công khai cảnh báo Hoa Kỳ về cuộc chiến tranh tại Miền Nam - *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 185, tháng 5/2010, tr. 20.
24. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 185.
25. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo...* Sđd, tr. 188.
26. Xem bài của Linh mục Thiện Cẩm và Linh mục Nguyễn Hồng Giáo trên *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 185, tháng 5/2010, tr.10 và tr. 111.
27. Có nhiều cuộc tranh giành quyền lực trong nội các chính phủ Miền Nam giai đoạn này. Từ việc Quốc trưởng Dương Văn Minh bị Nguyễn Khánh lật đổ (31/01/1964), đến việc chính Nguyễn Khánh, Trần Văn Hương lại bị lật đổ (20/02/1965)... Tình thế tạm ổn cho đến khi Hiến pháp Đế nhị Cộng hòa ra đời (15/4/1967). Ngày 03/8/1967 tổ chức bầu cử tổng thống, liên danh Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ đã thắng cử.
28. Sau năm 1965, cuộc chiến đấu chống ngoại xâm và giải phóng dân tộc đã gia tăng cường độ. Trong giai đoạn này, trước vận mệnh dân tộc đang bị chiến tranh và chia cắt, Giám mục Nguyễn Văn Bình đã chịu đựng, lắng nghe và thông cảm với mọi lập trường rồi tìm ra mẫu số chung để đoàn kết; đó là tinh thần bác ái và lòng yêu quê hương.
- Sài Gòn trong những năm tháng này nổi lên các phong trào xây dựng hòa bình, các cuộc vận động chính trị yêu cầu dân chủ, các cuộc đình công đòi quyền sống, phụ nữ đòi phục hồi nhân phẩm... ông đã luôn đứng về phía người yếu thế với một lập trường hoàn toàn dựa trên Phúc âm. Qua cách ứng xử với vụ Pin Con Ó hay vụ đốt thẻ cử tri chống Thiệu trước Tòa Giám mục, người ta nhận ra Giám mục Bình vẫn ôn hòa, bình tĩnh và tôn trọng những lựa chọn chính trị của người công dân. Tuy nhiên, ông cũng cho thấy mình đứng về phía nào. Trong vụ Pin Con ó, khi ba linh mục Tuyên úy Thanh Lao Công: Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Trần Thế Luân bị bắt vào Bộ Tư lệnh Cảnh sát, Giám mục đã tuyên bố với dư luận rằng: *“Nếu họ không làm chính trị mà chỉ hành động trong tinh thần báo vệ quyền lợi chính đáng của giới lao động thì tôi không cấm họ làm theo lương tâm”*.
- Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình trong giai đoạn khó khăn này của đất nước đã đứng ngoài các đảng phái chính trị để luôn giữ được sự đoàn kết của Dân Chúa chung quanh Tin Mừng và mọi hành động của ông đều nhằm vào mục đích xây dựng một quê hương ấm no, hạnh phúc. Xem: *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*, Công giáo và Dân tộc 1995, tr. 10.
29. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960-1995*, Lưu hành nội bộ, Paris, 1996, tr. 194.
30. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo...*, Sđd, tr. 209.
31. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo...*, Sđd, tr. 237.
32. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo...*, Sđd, tr. 231.
33. Xem: *Cơ quan thông tin Công giáo Việt Nam*, Sài Gòn tháng 1/1968, tr. 98, 103, 111. Ngoài mặt ý thức hệ, người ta thấy người Công giáo Miền Nam trong quân đội nguy quyền Sài Gòn, ước tính khoảng 30%. Sự tham gia này có nhiều lí do.
34. Vấn đề này được Thư Mục vụ 1973 đề cập *mềm mỏng hơn*. Cụ thể là không nói tới Công sản, chỉ nói tới vô thần là một hệ ý thức đối trọng với Đức tin Công giáo.

35. Năm 1954, nhiều giáo phận di cư bắt chập chỉ thị của bề trên, chẳng hạn ở Địa phận Hà Nội. Đến 1975, hiện tượng này hầu như không xảy ra phổ biến. Giáo hội đã “trưởng thành” hơn dưới sự lan toả của ánh sáng Công đồng Vatican II. Tổng Giám mục Giáo phận Huế Nguyễn Kim Điền ra tâm thư ngày 01/4/1975 tha thiết kêu gọi người Công giáo, vì tình nghĩa với đồng bào ruột thịt, hoan hỉ làm bốn phận công dân tốt dưới sự lãnh đạo của chính phủ cách mạng: “*giờ đây đã đến lúc chúng ta hoan hỉ sẵn sàng và hăng say cộng tác với mọi người thiện chí, dưới sự chỉ đạo của chính phủ cách mạng để xây dựng lại quê hương sau bao đổ vỡ tang tóc, nhằm đem lại tự do, ấm no hạnh phúc cho đồng bào ruột thịt*”. Xem: *Tin Nhà*, số đặc biệt 15/3/1994, phụ lục I, tr. 27.

36. Đó là: *Thư gửi linh mục, tu sĩ, giáo dân ngày 05/5/1975* nói về: Một trang sử mới đã mở ra đối với đất nước; *Thư luân lưu ngày 12/6/1975* về: Bốn phận của người Công giáo đối với đất nước và Giáo hội; *thư chung nhân dịp lễ Quốc khánh 02/9/1975*. Ngoài 3 bức thư này, từ 1975-1980, Tổng Giám mục Bình còn có rất nhiều bài phát biểu với Liên tu sĩ, các bài trả lời phỏng vấn, v.v...

37. Lúc đó vẫn gọi Tổng Giáo phận Sài Gòn, sau hiệp thương thống nhất hai miền mới đổi Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Cả tháng trước ngày Miền Nam giải phóng, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã kêu gọi đoàn chiên Công giáo hãy ở lại quê hương và đón nhận công cuộc giải phóng đất nước như một hồng ân. Thấy rõ các hoạt động dẫn thân tích cực của Giám mục rõ hơn qua mấy sự kiện sau:

- Ngay sau ngày Giải phóng 30/4/1975, ngày 5/5/1975, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã kêu gọi người Công giáo xây dựng một nước Việt Nam thịnh vượng, một xã hội tiến bộ, công bằng, giàu tình huynh đệ dưới sự hướng dẫn của Chính phủ cách mạng lâm thời.

- Kế tiếp là hàng loạt các biến cố cho thấy Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã từng bước định hình phương thức sinh hoạt gắn bó đạo đời trong bối cảnh xã hội mới.

- Ngày 15/5/1975, đồng đảo linh mục, tu sĩ, giáo dân xuất phát từ Tòa Giám mục đến dinh Thống Nhất tham dự mít tinh mừng chiến thắng. Ngày 02/9/1975, Ngài cử hành trọng thể thánh lễ mừng ngày Quốc khánh tại Vương cung Thánh đường. Ngày 04/11/1975, tại Đại Chủng viện Thánh Giuse, Tòa Tổng Giám mục đã tổ chức một ngày học hỏi về lao động sản xuất. Ngày 16/11/1975 tại Đại Chủng viện Thánh Giuse, giới Công giáo họp mừng Hội nghị Hiệp thương Thống nhất Tổ quốc. Ngày 22/11/1975, Tòa Tổng Giám mục ra thông cáo cho toàn thể giáo phận tổ chức lễ tạ ơn, đồng thời phổ biến Thư chung về ý nghĩa của việc thống nhất đất nước. Ngày 15 - 20/12/1975, 21 giám mục của của Miền Nam họp tại Trung tâm Công giáo để cùng nhau tìm hiểu một hướng đi mới cho Giáo hội Công giáo Việt Nam trong một xã hội mới đang xây dựng. Các giám mục kêu gọi người Công giáo phải coi như bốn phận và vinh dự được đem niềm tin của mình vào việc làm cho dân giàu nước mạnh.

- Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã cho thành lập các ban “mục vụ kinh tế mới” và “lao động sản xuất” ngay tại Tòa Tổng Giám mục. Ngài đã nhiều lần tham gia các đợt lao động tại Củ Chi cùng với linh mục tu sĩ giáo dân của mình.

- Năm 1976, 1977, Giám mục Nguyễn Văn Bình vẫn tiếp tục khuyến khích đoàn chiên của mình học tập chính trị, hăng say lao động sản xuất. Ngày 22/9/1976, Ngài được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp kiến.

- Ngày 30/9/1977, trong Đại hội các giám mục Thế giới tại Roma, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã đọc bản tham luận về “*Môi trường sống của người Công giáo Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho việc dạy giáo lý*”

39. *Về mặt đời*, người Công giáo tham chiến cho phía “Quốc gia” đã thất bại cùng với sự sụp đổ của chế độ Ngụy quyền Sài Gòn sau ngày 30/4. *Về mặt đạo*, nhiều người Công giáo tham chiến đã đi tản. Những lời kêu gọi hòa bình của các giám mục trên nền tảng đạo đức Kitô giáo đã không làm bình yên được chiến tranh, và thực tế chính quyền Ngụy lúc đó cũng không đánh giá cao điều này, mặc dù nó là cơ sở để hội nhập với Dân tộc sau 30/4. *Về quan điểm ý thức hệ*, sự lo sợ Cộng sản vẫn còn tồn tại, dư âm của các bức thư chống Cộng vẫn còn. Rất may các phong trào của trí thức, “linh mục cấp tiến” trước 1975 tạo một tiền đề khá tốt cho cuộc tái thiết Công giáo với Dân tộc.

40. Xem thêm: *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 65, tháng 5/2000.

41. Linh mục Chân Tín, sau khi ra Miền Bắc năm 1975, đã có bài viết trên tạp chí *Đối Diện* số 82 ra ngày 30/4/1976, trong đó ông bộc lộ *nhiều điều băn khoăn của người Công giáo Miền Nam trước vấn đề thống nhất đất nước và tiến lên chủ nghĩa xã hội*. Các vấn đề bài báo đặt ra như: *đói nghèo, dân chủ, tự do tín*

ngưỡng... Phản ánh của Linh mục Chân Tín phần nào nói lên *tâm lý chung* của nhiều người Công giáo Miền Nam trong tiến trình thống nhất đất nước sau 30/4/1975.

42. Báo *Công giáo và Dân tộc*, số đặc biệt tháng 4/1986, tr. 24.

43. Các giám mục Miền Nam chia ba nhóm thảo luận gồm: “*Nghiên cứu các tương quan trong xã hội mới*”; “*Nghiên cứu lại nội bộ Miền Nam*”; “*Nghiên cứu việc huấn luyện các thành phần Dân Chúa trong hoàn cảnh hiện nay*.”

44. Xem bài của Linh mục Vũ Khởi Phụng trên *Nguyệt san Đứng Dậy* số 76, tháng 12/1975, tr. 32 - 35

45. Trả lời của Tổng Giám mục Hà Nội Trịnh Như Khuê rất ngắn, chỉ trong một câu: “*Mong sớm được gặp nhau*”. Xem: *Nguyệt san Đứng Dậy* số 76, tháng 12/1975, tr. 41.

46. Một linh mục nhận xét: “*Rất tiếc là một số cán bộ chính quyền hồi đó và ngay cả một số Công giáo tiến bộ đã phê phán các giám mục là chưa dứt khoát, chưa tích cực khi kêu gọi người Công giáo chung vai kề sức với mọi người để xây dựng đất nước và làm những gì lợi ích chung cho cộng đồng dân tộc mà không nghịch với đức tin và lương tâm Kitô giáo, nhất là khi các giám mục quả quyết rằng giữa đức tin Kitô giáo và chủ nghĩa Mác - Lênin có xung khắc về cơ bản vì một bên là hữu thần, bên kia vô thần*”. Xem bài của Linh mục Nguyễn Hồng Giáo in lại trên *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc* số tháng 4/2010, tr. 66.

47. Từ 1975, Giáo hội hai miền đã chủ động thăm viếng, gặp gỡ để cùng thảo luận về tình hình Giáo hội cụ thể:

- Tháng 9/1975, một số linh mục giáo phận Sài Gòn (Hồ Chí Minh) tham dự đoàn đại biểu thành phố ra Hà Nội dự lễ Quốc khánh và khánh thành lăng Hồ Chủ tịch. Nhân dịp này, các linh mục đã gặp gỡ, thăm viếng Giáo hội Miền Bắc. Trong những bài phát biểu, các linh mục Miền Nam đề cập đến khá nhiều vấn đề thiết thực về thực trạng Giáo hội để Giáo hội hai miền cùng quan tâm thảo luận. Sau động thái đầu tiên đó, cũng cuối năm 1975 (tháng 11) 4 linh mục Miền Nam tập kết ra Bắc (Linh mục Hồ Thành Biên, Võ Thành Trinh, Nguyễn Hiếu Lễ và Lương Minh Ký) đã trở lại Miền Nam và được Giáo hội Miền Nam chấp nhận. Điều này phải ánh thêm một dấu hiệu tốt đẹp, giúp cho những linh mục “cấp tiến” khác có thêm sức mạnh cùng đưa Giáo hội đi theo con đường mới.

- Tháng 9/1976, hai Tổng Giám mục Giáo tỉnh Huế và Sài Gòn là Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền và Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã có mặt tại Hà Nội.

- Tháng 8/1979, phái đoàn giám mục, linh mục phía Bắc vào thăm Tòa Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tháng 11/1979, phái đoàn đại biểu linh mục thành phố Hồ Chí Minh ra thăm Miền Bắc.

- Và bước gần nhất tiến tới Đại hội Giám mục (ĐHGMM) toàn quốc lần I là Hội nghị trụ bị họp vào ngày 17/3/1979 tại Hà Nội gồm Hồng y Trịnh Văn Căn, hai Tổng Giám mục Huế, và thành phố HCM, Giám mục (GM) Phạm Tân (Thanh Hoá), GM Nguyễn Tùng Cương (Hải Phòng), GM Huỳnh Đông Các (Quy Nhơn), GM Nguyễn Sơn Lâm (Đà Lạt), và GM Lê Phong Thuận (Cần Thơ) bàn về một HĐGMMVN lần I.

Song song với những cuộc gặp gỡ thảo luận có tính sự kiện ấy, Giáo hội hai miền còn có những động tác đi sâu vào cộng đoàn giáo hữu với nhiều hình thức. Các giáo phận, giám mục, linh mục, tu sĩ có những thư chung, bài giảng về cơ hội mới, cách sống mới của Giáo hội đưa ra nhiều vấn đề xung quanh nội dung tôn giáo, xã hội chủ nghĩa, canh tân, hội nhập và rất nhiều trong số đó được đăng tải trên hai tờ báo Chính Nghĩa và Công giáo & Dân tộc nhằm để tất cả mọi thành phần cùng tham gia và hướng cả Giáo hội về đại kết. Họ thấy được tính cấp thiết phải sớm có một sự thống nhất về thực chất trong Giáo hội Công giáo Việt Nam, tránh sự quá khác biệt giữa Công giáo hai miền, phù hợp với xu hướng bối cảnh xã hội mới.

48. Sở dĩ có tình hình này, một phần, là vì việc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhiều khi không nhất quán. Những người có trách nhiệm thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước lại sợ là tôn giáo có thể bị lợi dụng để chống phá sự nghiệp của toàn dân. Sự nghi ngờ và lo sợ này, thực ra, không phải là không có cơ sở, đặc biệt trong bối cảnh sau chiến tranh, cộng với các biến động ở Tây Nguyên và biên giới phía Bắc.

49. Xem: *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 34, tháng 10/1997, tr. 87.

50. Xem: *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 65, tháng 5/2000, tr. 17.